TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIÃ VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/DS-ST.
Ngày: 16/8/2017.
V/v: Tranh chấp về đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thông Văn Đá

2. Ông Nguyễn Văn Bến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2017/TLST-DS ngày 05/6/2017, về việc: "Tranh chấp về đòi lại tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐST-DS ngày 17/7/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2017/QĐST-DS ngày 02/8/2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: - Ông Trần Minh B, sinh năm 1963 (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

2.Bị đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1935 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/5/2017, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 16/6/2016 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Minh B và bà Nguyễn Thị C trình bày: Trước đây vợ chồng ông bà có kinh doanh mua bán phân bò. Năm 2008. Vợ chồng ông bà có thỏa thuận mua bán phân bò với bà Phạm Thị N, sinh năm 1935, địa chỉ tại thôn Phú Lập, xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Thời gian đó vợ chồng ông bà có cho bà N mượn số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) được chia làm hai lần, lần thứ nhất vào ngày 28/5/2007 (âm lịch) mượn 5.000.000đ (năm triệu đồng), lần thứ hai vào ngày 28/5/2008 (âm lịch) mượn 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Khi cho mượn thì có làm giấy mượn tiền và không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ là khi bà N không bán phân bò cho vợ chồng ông bà nữa thì phải trả số tiền đó. Sau đó bà N không bán phân bò nữa, vợ chồng ông bà có đến nhà hỏi tiền nợ nhiều lần như bà N vẫn không chịu

trả nợ cho vợ chồng ông bà. Nay vợ chồng ông bà khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị N phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền nợ là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

*Bị đơn bà Phạm Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2017 trình bày***:** Trước đây vợ chồng ông Trần Minh B và bà Nguyễn Thị C mua phân bò của bà, bà không nhớ ngày tháng năm nào nhưng bà có mượn của ông Trần Minh B 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để ông B lấy phân bò của bà trừ nợ. Bà có ký giấy nhận nợ ngày 28/5/2008 âm lịch mà ông B đã nộp cho Tòa án. Bà đã cho ông B lấy phân bò 02 năm rồi và bà nghĩ đã trừ hết nợ rồi nên không kêu ông B đưa lại giấy nợ. Nay ông B bà C kiện đòi bà trả 10.000.000đ thì bà không đồng ý.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của vợ chồng ông Trần Minh B và bà Nguyễn Thị C, buộc bà Phạm Thị N phải trả cho vợ chồng ông Trần Minh B và bà Nguyễn Thị C số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án cùng Ch quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà bà Phạm Thị N để tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bà N không đến Tòa án huyện để cung cấp tài liệu chứng cứ gì nhằm bảo vệ quyền lợi của bà nên không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của bà Phạm Thị N không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, bà Phạm Thị N đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng nhưng bà không đến Tòa, chứng tỏ bà đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, nên Tòa đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Phạm Thị N.

1.Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐXXST-DS ngày 17/7/2017 đã ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về đòi lại tài sản", qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Các đương sự đã thống nhất với nhau tiền nợ là 10.000.000đ từ năm 2008 nhưng bị đơn chưa trả nên nguyên đơn khởi kiện. Đây là "Tranh chấp về đòi lại tài sản" được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận Bắc nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

2.Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa hai bên được xác lập vào ngày 28/5/2008 (âm lịch) là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực, nhưng giao dịch dân sự này có nội dung và hình thức giống với Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

3. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Theo lời khai của hai bên có tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay thì hai bên thống nhất là bị đơn có nợ tiền đưa trước để mua phân bò của nguyên đơn là 10.000.000đ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận đó là sự thật. Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo giấy mượn tiền ngày 28/5/2008 âm lịch thì bị đơn có mượn của nguyên đơn với số tiền là 10.000.000đ nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ 10.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

4. Bà Phạm Thị N cho rằng bà đã trả tiền nợ 10.000.000đ cho vợ chồng ông B và bà C bằng cách cho ông B bà C lấy phân bò của bà trừ nợ trong 02 năm nhưng vợ chồng ông B và bà C không thừa nhận, bà N cũng không có chứng cứ gì để chứng minh việc trả xong nợ 10.000.000đ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận và bác lời khai nại này.

5.Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bà Phạm Thị N sinh năm 1935 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu của nguyên đơn chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.**Áp dụng:** Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

2.Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của vợ chồng ông Trần Minh B và bà Nguyễn Thị C, buộc bà Phạm Thị N phải trả cho vợ chồng ông Trần Minh B và bà Nguyễn Thị C số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

3.Về án phí: Áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Phạm Thị N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Vợ chồng ông Trần Minh B và bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho vợ chồng ông Trần Minh B và bà Nguyễn Thị C số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0014362 ngày 05/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

4.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/8/2017). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại địa phương.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành, mức lãi suất như sau:

- Theo thỏa thuận của đương sư nhưng không được quá 20%/ năm, trừ trường hợp có quy định khác của pháp luật.
- Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/ năm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Bình Thuận**;**
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
-Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ung Thanh Quang